TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỦA CHÙA** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-9-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỦA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*** **:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: bà Vi Thu Hằng và ông Lờ A Hùng
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lò Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa***: ông Nguyễn Mạnh Hùng- kiểm sát viên

Ngày 20/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hờ Thị V – Sinh năm 1987;
Nơi đăng ký thường trú: thôn S, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi ở hiện nay: thôn P, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên, có mặt.
2. Bị đơn: Anh Vừ A P – Sinh năm 1980;
Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn S, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các văn bản ghi ý kiến của nguyên đơn chị Hờ Thị V trình bày:

Nguyên đơn chị Hờ Thị V và Bị đơn anh Vừ A P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, hai người có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, từ năm 2009 hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xích mích nhau trong sinh hoạt gia đình, nguyên nhân do bị đơn không cùng nguyên đơn chăm sóc các con và không chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Nguyên đơn đã nhiều lần nói chuyện với bị đơn nhưng bị đơn vẫn không thay đổi, từ tháng 6/2024 hai người sống ly thân, nguyên đơn về ở tại thôn P xã M. Hiện nay, nguyên đơn thấy không thể chung sống với Bị đơn được nữa, do đó nguyên đơn yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Hai người có 03 con chung là Vừ Trung H (sinh ngày 29/9/2004), Vừ Trung Đ (sinh ngày 26/3/2012) và Vừ Bảo L (sinh ngày 03/12/2019); Nguyên đơn đề nghị được nuôi con Vừ Bảo L, giao con Vừ Trung Đ cho Bị đơn nuôi dưỡng, đối với Vừ Trung H đã trưởng thành và lập gia đình riêng không yêu cầu giải quyết, về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Trong các văn bản ghi ý kiến của bị đơn Vừ A P trình bày: Bị đơn thừa nhận ý kiến của Nguyên đơn về quan hệ hôn nhân và hiện nay đang sống ly thân, hai người có 03 con chung, trong đó 01 con đã trưởng thành; Về nguyên nhân mâu thuẫn Bị đơn nhất trí với ý kiến Nguyên đơn. Tuy nhiên Bị đơn không muốn ly hôn và mong muốn hai bên đoàn tụ để nuôi các con, về tài sản chung Bị đơn nhất trí theo ý kiến của nguyên đơn về việc không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến; bị đơn đồng ý với ý kiến nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho hai người được ly hôn, đồng ý với ý kiến nguyên đơn về giao người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng, về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng, do hai người không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hai người không phải là vợ chồng; Về con chung đề nghị chấp nhận thỏa thuận của các bên, giao con chung Vừ Trung Đ cho Bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Vừ Bảo L cho Nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, đối với Vừ Trung H đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không đề nghị xem xét giải quyết; Về cấp dưỡng các bên không yêu cầu nên đề nghị chưa giải quyết; Về tài sản chung các bên không yêu cầu nên không đề nghị xem xét; Về án phí: đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện của hai bên, hai người không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà chỉ làm đám cưới theo phong tục của dân tộc

Về nguyên nhân xin ly hôn xuất phát từ việc bị đơn không chăm lo cuộc sống chung của gia đình, không cùng nguyên đơn chăm sóc các con dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do đó từ tháng 6/2024 đến nay Nguyên đơn đã về sinh sống tại thôn P, xã M.

Về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn bị đơn nhất trí với ý kiến nguyên đơn là hai người không đăng ký kết hôn, UBND xã S cũng có văn bản xác nhận hai người không đăng ký kết hôn. Do đó, HĐXX thấy cần căn cứ theo

quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố chị Hờ Thị V và anh Vừ A P không phải là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung:

Hội đồng xét xử thấy hai người có 03 con chung, trong đó con Vừ Trung H đã trưởng thành, tại phiên tòa các bên thỏa thuận được về nuôi các con chung chưa thành niên, giao cho nguyên đơn nuôi con Vừ Bảo L và giao cho bị đơn nuôi con Vừ Trung Đ.

Hội đồng xét xử thấy rằng các bên đều có điều kiện kinh tế để nuôi dạy, chăm sóc các con như nhau. Do đó, thỏa thuận về việc nuôi con của các bên là có căn cứ, đảm bảo các điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con và phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận và giao con chung Vừ Trung Đ cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Vừ Bảo L cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề cấp dưỡng.

[**3] Về chia tài sản chung:** Các bên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Khoản 2 điều 53, các điều 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và gia đình.
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố chị Hờ Thị V và anh Vừ A P không phải là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

Giao cho anh Vừ A P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Vừ Trung Đ (sinh ngày 26/3/2012) đến khi đủ 18 tuổi.

Giao cho chị Hờ Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Vừ Bảo L (sinh ngày 03/12/2019) đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên Tòa án chưa giải quyết.

Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3**. Về án phí**:

Nguyên đơn đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, các bên có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Anh Tuấn